



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

**04/08/2025 – 08/08/2025**

**Khối Nghiên cứu**



**MBS Head Office**  
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601  
Web: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## Thị trường đi vào nhịp điều chỉnh, vùng hỗ trợ ở khu vực 1.475 – 1.482 điểm

- Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm mạnh trong tuần vừa qua, chỉ số chứng khoán toàn cầu theo dõi các thị trường phát triển và thị trường mới nổi (MSCI ACWI) giảm 2,5% và hiện thấp hơn 1% so với đầu tháng 7. Thị trường chứng khoán Mỹ cũng khép lại 1 tuần giảm điểm với S&P 500 giảm 2,4%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất từ tuần kết thúc vào ngày 23/5. Dow Jones giảm 2,9%, mạnh nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 4/4. Nasdaq giảm 2,2% trong tuần. Thị trường giảm điểm khi nhà đầu tư lo ngại là những tín hiệu xấu của kinh tế Mỹ, bao gồm lạm phát tăng, dữ liệu tăng trưởng ẩn chứa những gam màu ảm đạm, và thị trường lao động sụt tốc nhanh bên cạnh những mức thuế quan mới mà Tổng thống Donald Trump đưa ra. Thứ nhất: Báo cáo việc làm từ Bộ Lao động Mỹ ngày 1/8 cho thấy khu vực phi nông nghiệp của nước này có thêm chỉ 73.000 công việc mới trong tháng 7, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 100.000 công việc mới mà các chuyên gia kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Theo giới phân tích, loạt dữ liệu này cho thấy thị trường việc làm của Mỹ đã suy yếu được một thời gian. Những con số trên khiến chứng khoán Mỹ giảm điểm mạnh vì tình hình thị trường lao động - việc làm là một chỉ báo quan trọng về sức khỏe kinh tế Mỹ. Thứ hai: Lạm phát Mỹ có dấu hiệu tăng tốc. Theo báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ hôm 31/7, chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - tăng 0,3% trong tháng 6, cao hơn mức tăng 0,1% của tháng 5 và dự báo tăng 0,2% mà giới phân tích đưa ra. So với cùng kỳ năm trước, PCE tăng 2,6%, mức tăng cao nhất kể từ tháng 2. Dữ liệu này gây lo ngại vì cho thấy thuế quan có thể đã bắt đầu làm gia tăng áp lực lạm phát trong nền kinh tế Mỹ. Thứ ba: Ngày 31/7, ông Trump ký một sắc lệnh hành pháp đưa ra thuế suất mới của thuế quan đối ứng áp dụng với các đối tác thương mại chưa đạt được thỏa thuận với Mỹ, dao động từ 10-41%, có hiệu lực từ ngày 7/8. Trước đó, Mỹ đã đạt thỏa thuận thương mại với một số đối tác gồm Anh, Việt Nam, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU)...
- Báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 7 làm gia tăng khả năng Fed có thể cắt giảm lãi suất sớm hơn dự báo để hỗ trợ nền kinh tế. Sau khi báo cáo được công bố, thị trường lãi suất tương lai đặt cược khả năng 86% Fed sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 9 - theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME. Sự dịch chuyển kỳ vọng này trái ngược với những gì đã diễn ra trong phiên ngày thứ Tư tuần vừa qua, khi khả năng Fed hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 9 sụt giảm mạnh mẽ sau khi Chủ tịch Fed Jerome Powell phát tín hiệu tiếp tục chờ đợi để xác định rõ tác động của thuế quan đến nền kinh tế rồi mới hạ lãi suất.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index để mất ngưỡng 1.500 điểm, chốt tuần ở ngưỡng 1.495,21 điểm, giảm -35,92 điểm, tương đương giảm -2,35% so với tuần trước, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất và cũng là tuần giảm thứ 5 trong 17 tuần kể từ đáy tháng 4. Mức giảm tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Bluechips, với chỉ số VN30 giảm -3,31% trong khi nhóm cổ phiếu Midcap chỉ giảm nhẹ - 0,05%, thậm chí nhóm cổ phiếu Penny hay Smallcap còn đi ngược thị trường với mức tăng + 0,24%. Một số nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường trong tuần vừa qua như: BĐS KCN (+4,54%), Chứng khoán (+3,32%), Hàng không (+0,86%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu gây sức ép lên thị trường gồm: Vingroup (-6,31%), Viettel (-6,09%), Thực phẩm (- 5,22%), ...



## Thị trường đi vào nhịp điều chỉnh, vùng hỗ trợ ở khu vực 1.475 – 1.482 điểm

- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 55.397 tỷ đồng, tăng +36,5% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +37,9% lên 52.297 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 7 tăng +104% vsck và tăng + 68,5% so với tháng 6, đạt 39.500 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 23.716 tỷ đồng, tăng +12,5% so với mức bình quân năm 2024, tương đương so với cùng kỳ.
- Khối ngoại bán ròng -4.880 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ hai liên tiếp. Kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng 6.400 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -37.466 tỷ đồng. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với SHB (+623 tỷ đồng), VNM (+412 tỷ đồng), VCG (+328 tỷ đồng), VIC (+245 tỷ đồng), trong khi bán ròng FPT (-1.400 tỷ đồng), HPG (-890 tỷ đồng), HPG (-998 tỷ đồng), SSI (-782 tỷ đồng), ... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại đã mua ròng: SSI (+3.457 tỷ đồng), VPB (+1.495 tỷ đồng), SHB (+1.363 tỷ đồng), trong khi bán ròng VJC (-2.017 tỷ đồng), HPG (-996 tỷ đồng), VCB (-689 tỷ đồng), ...
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 14,6 lần, thấp hơn mức bình quân 5 năm (15,5 lần). Mức P/E dự phóng (Forward) hiện tại ở mức 12,1 lần, cao hơn so với bình quân 5 năm (11,9 lần). Nhìn chung, mức định giá hiện tại không còn rẻ dù vẫn thấp hơn so với khi Vn-Index ở vùng 1.500 điểm năm 2021, hệ số P/E (ttm) khi đó ở vùng 20 -21 lần và P/E dự phóng 16 - 17 lần.
- Nhận định thị trường: Nhịp điều chỉnh của thị trường trong nước đồng pha với diễn biến của chứng khoán thế giới tuần vừa qua, dù cũng có thông tin tích cực hỗ trợ thị trường. Đối với chứng khoán Mỹ, chỉ số Dow Jones đã không vượt qua ngưỡng cao kỷ lục (45.000 điểm) cả tháng vừa qua, trong khi S&P 500 mới là tuần điều chỉnh đầu tiên từ mức cao kỷ lục 6.400 điểm. Đối với chỉ số Vn-Index, thanh khoản lập kỷ lục mới (9 tỷ cổ phiếu trên sàn HOSE và 11 tỷ cổ phiếu trên cả 3 sàn) trong khi chỉ số chốt tuần với cây nến dài và đỏ (lập đỉnh mới 1.564,92 điểm, giảm - 69,71 điểm kể từ đỉnh) là tín hiệu rất đáng chú ý. Về góc nhìn kỹ thuật, mạch tăng gần +490 điểm (+45,38%) nhiều khả năng đã kết thúc sau khi thanh khoản cực lớn mà giá không tăng kèm theo biến động giá mạnh, đây cũng là dấu hiệu thị trường phân phối. Tuy vậy, trong kịch bản cơ sở, nhà đầu tư được khuyến nghị chờ xác nhận từ hành động giá sau điểm đảo chiều kỹ thuật như trên để tránh tín hiệu giả, dấu hiệu tích cực là thanh khoản thị trường giảm dần trong quá trình thị trường test cung. Cụ thể, khối lượng có thể vẫn cao trong vài phiên đầu do áp lực bán từ chốt lời hoặc phân phối, nhưng sẽ giảm dần khi giá đi ngang hoặc điều chỉnh về các vùng hỗ trợ. Chúng tôi kỳ vọng vùng hỗ trợ cho trong nhịp test cung của thị trường trong tuần này ở khu vực 1.475 – 1.482 điểm, nếu thanh khoản thấp ở vùng này, thị trường sẽ có cơ hội hồi phục. Ngoài các tín hiệu thì chỉ số chung, nhà đầu tư cũng nên quan sát các nhóm cổ phiếu có mức chiết khấu mạnh sẽ nhanh về vùng hỗ trợ và có cơ hội phục hồi hoặc tạo vùng cân bằng hoặc đi ngang. Theo giá đóng cửa, một số nhóm cổ phiếu đang có mức chiết khấu sâu hơn chỉ số Vn-Index (-4%) như: Vingroup, Viettel, Thực phẩm, Bất động sản, Thép, Thủy sản.
- Chiến lược giao dịch: Nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ đợi tín hiệu về thị trường như đã phân tích trong kịch bản cơ sở ở trên, bên cạnh đó tìm kiếm cơ hội ở các nhóm cổ phiếu có mức chiết khấu hấp dẫn ở các vùng hỗ trợ. Trên nền thanh khoản cao, khả năng thị trường vẫn có dòng tiền vào bất đáy, tùy theo cổ phiếu trong nhịp điều chỉnh hoặc phân phối hiện tại. Nhóm cổ phiếu đã tạo nền tích lũy, trong đó có nhóm cổ phiếu Penny có thể là sự lựa chọn trong khi thị trường tìm vùng cân bằng.

Các sự kiện chính trong tuần này (04/08 – 08/08)

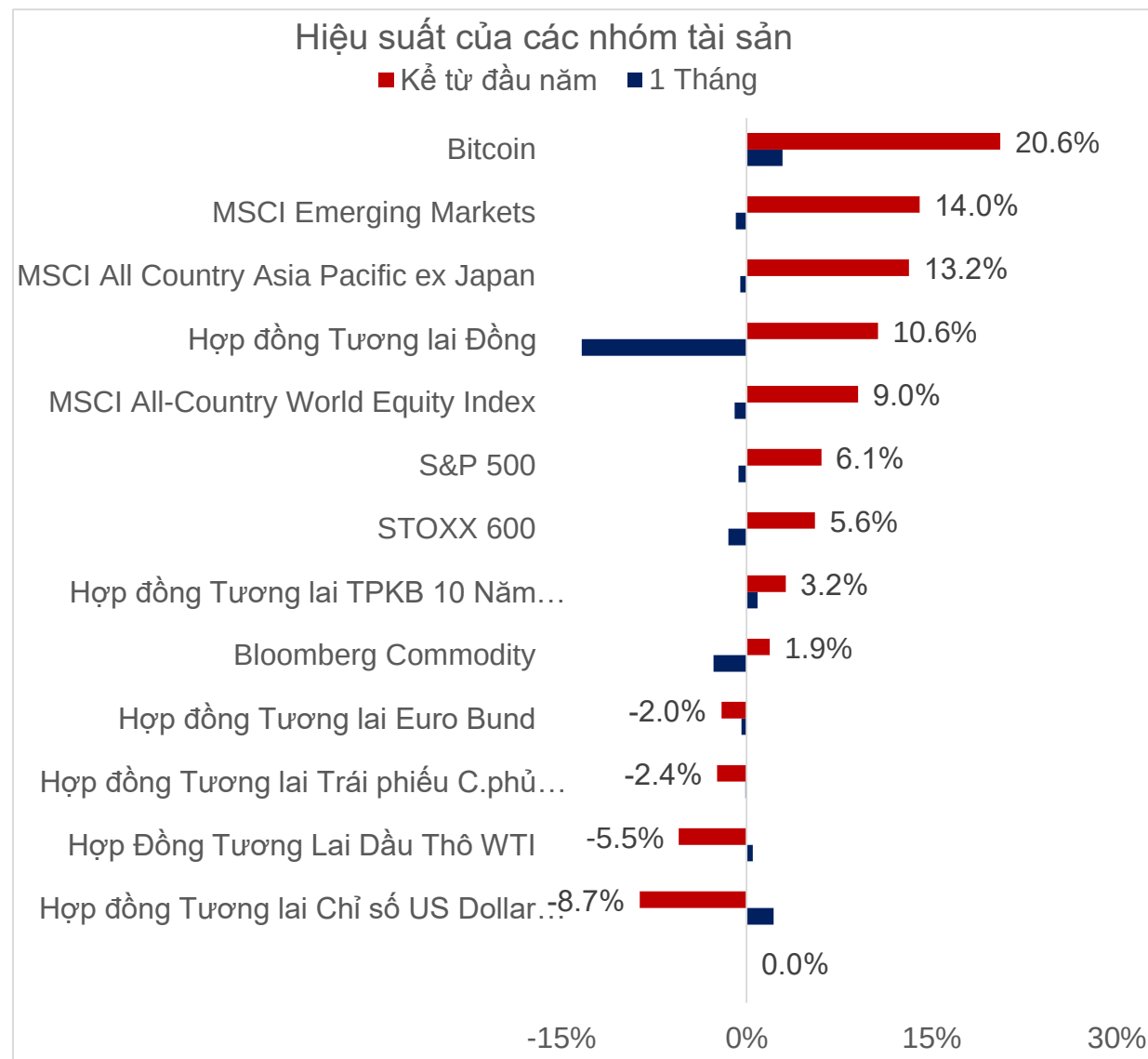
| Thứ Hai | Thứ Ba                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thứ Tư | Thứ Năm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thứ Sáu |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 04      | <div>05</div> <div><div> Châu Âu: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 7)</div><div> Mỹ: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 7)</div><div> Trung Quốc: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 7)</div><div> Nhật Bản: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 7)</div></div> | 06     | <div>07</div> <div><div> Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu</div><div> Anh: Quyết định lãi suất của BoE</div></div> | 08      |

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

## Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

| Index         | Last      | 1 Week | 1 Month | YTD    | 1 Year |
|---------------|-----------|--------|---------|--------|--------|
| Global        | 917.39    | -2.5%  | -1.0%   | 9.0%   | 16.5%  |
| Dow Jones     | 43,588.58 | -2.9%  | -2.8%   | 2.5%   | 9.7%   |
| S&P 500       | 6,238.01  | -2.4%  | -0.7%   | 6.1%   | 16.7%  |
| Europe        | 535.79    | -2.6%  | -1.5%   | 5.6%   | 7.6%   |
| Japanese      | 40,799.60 | -1.6%  | 2.6%    | 2.3%   | 13.6%  |
| Korea         | 3,119.41  | -2.4%  | 0.1%    | 30.0%  | 16.6%  |
| China         | 3,559.95  | -0.9%  | 2.9%    | 6.2%   | 22.5%  |
| HongKong      | 24,507.81 | -3.5%  | 1.8%    | 22.2%  | 44.6%  |
| Taiwan        | 23,434.38 | 0.3%   | 3.2%    | 1.7%   | 8.3%   |
| Indian        | 24,565.35 | -1.1%  | -3.3%   | 3.9%   | -0.6%  |
| Singapore     | 4,153.83  | -2.5%  | 3.3%    | 9.7%   | 22.8%  |
| Malaysia      | 1,533.35  | 0.0%   | -1.0%   | -6.6%  | -4.8%  |
| Indonesia     | 7,537.77  | -0.1%  | 9.6%    | 6.5%   | 3.1%   |
| Thailand      | 1,218.33  | 0.1%   | 8.1%    | -13.0% | -7.2%  |
| Philippine    | 6,306.13  | -1.7%  | -2.5%   | -3.4%  | -4.5%  |
| Vietnam       | 1,495.21  | -2.4%  | 8.2%    | 18.0%  | 20.9%  |
| Brent Oil     | 69.67     | 1.8%   | 1.3%    | -6.7%  | -9.3%  |
| Crude Oil WTI | 67.33     | 3.3%   | 0.5%    | -5.5%  | -7.3%  |
| Gold          | 3,413.80  | 0.6%   | 2.1%    | 29.3%  | 40.1%  |
| S&P 500 VIX   | 20.38     | 36.5%  | 24.4%   | 17.5%  | -12.9% |
| Dollar Index  | 98.93     | 1.6%   | 2.2%    | -8.7%  | -3.9%  |
| U.S. 10Y      | 4.22      | -3.8%  | -2.9%   | -7.7%  | 11.3%  |
| U.S. 2Y       | 3.70      | -5.4%  | -4.7%   | -12.6% | -4.4%  |

Nguồn: Update 03/08, Investing, MBS Research



# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



| Energy               | Price  | Weekly | Monthly | YTD    | YoY    |
|----------------------|--------|--------|---------|--------|--------|
| Crude OilUSD/Bbl     | 67.26  | 3.2%   | -0.3%   | -6.2%  | -8.5%  |
| BrentUSD/Bbl         | 69.48  | 1.5%   | 0.5%    | -6.9%  | -9.5%  |
| Natural gasUSD/MMBtu | 3.0934 | -2.1%  | -11.3%  | -14.9% | 57.3%  |
| GasolineUSD/Gal      | 2.1076 | 0.8%   | -0.4%   | 4.7%   | -9.5%  |
| Heating OilUSD/Gal   | 2.2882 | -4.9%  | -5.0%   | -1.3%  | -1.8%  |
| CoalUSD/T            | 114.9  | 1.0%   | 2.1%    | -8.3%  | -20.3% |
| TTF GasEUR/MWh       | 33.8   | 2.4%   | 1.5%    | -33.0% | -7.8%  |
| UK GasGBP/thm        | 83.43  | 1.5%   | 4.6%    | -33.5% | -4.6%  |
| EthanolUSD/Gal       | 1.7475 | -1.3%  | 1.0%    | 3.4%   | -3.1%  |
| NaphthaUSD/T         | 561.99 | 2.2%   | 1.9%    | -8.1%  | -12.8% |
| PropaneUSD/Gal       | 0.7    | -2.1%  | -3.3%   | -9.7%  | -3.4%  |
| UraniumUSD/Lbs       | 71.45  | -0.3%  | -8.2%   | -2.1%  | -13.5% |
| MethanolCNY/T        | 2393   | -3.9%  | -2.1%   | -13.5% | -4.5%  |
| Urals OilUSD/Bbl     | 68.86  | 7.8%   | 11.8%   | 0.5%   | -8.5%  |

| Metals            | Price  | Weekly | Monthly | YTD   | YoY    |
|-------------------|--------|--------|---------|-------|--------|
| GoldUSD/t.oz      | 3362.5 | 0.8%   | 0.2%    | 28.1% | 37.7%  |
| SilverUSD/t.oz    | 37.018 | -3.0%  | 1.3%    | 28.2% | 29.6%  |
| CopperUSD/Lbs     | 4.4161 | -23.4% | -14.2%  | 11.0% | 7.6%   |
| SteelCNY/T        | 3188   | -2.2%  | 5.2%    | -3.7% | 6.3%   |
| LithiumCNY/T      | 71350  | -2.1%  | 15.7%   | -4.9% | -10.3% |
| Iron Ore CNYCNY/T | 786    | -0.7%  | 8.1%    | 0.9%  | 0.9%   |
| PlatinumUSD/t.oz  | 1316.4 | -6.5%  | -6.7%   | 47.3% | 37.3%  |
| HRC SteelUSD/T    | 847.04 | 0.0%   | -4.3%   | 19.5% | 24.4%  |
| Iron OreUSD/T     | 99.57  | 1.0%   | 4.7%    | -3.9% | -4.3%  |
| TitaniumCNY/KG    | 49.5   | -2.0%  | -2.0%   | 11.2% | 2.1%   |

| Industrial         | Price  | Weekly | Monthly | YTD    | YoY    |
|--------------------|--------|--------|---------|--------|--------|
| BitumenCNY/T       | 3654   | 1.6%   | 2.2%    | -1.0%  | 1.2%   |
| CobaltUSD/T        | 33335  | 0.0%   | 0.0%    | 37.2%  | 25.2%  |
| LeadUSD/T          | 1974.8 | -2.2%  | -4.2%   | 1.2%   | -2.4%  |
| AluminumUSD/T      | 2573.4 | -2.4%  | -1.9%   | 0.9%   | 13.7%  |
| TinUSD/T           | 32710  | -5.5%  | -2.8%   | 12.5%  | 9.4%   |
| ZincUSD/T          | 2732.9 | -3.5%  | -0.8%   | -8.3%  | 3.0%   |
| NickelUSD/T        | 15020  | -1.6%  | -2.1%   | -1.8%  | -7.7%  |
| MolybdenumCNY/Kg   | 498    | 6.0%   | 14.0%   | 6.2%   | 4.3%   |
| PalladiumUSD/t.oz  | 1206.5 | -4.3%  | 3.0%    | 35.7%  | 37.7%  |
| RhodiumUSD/t.oz.   | 7000   | 10.2%  | 27.3%   | 53.0%  | 50.5%  |
| PolyethyleneCNY/T  | 7336   | -1.4%  | 0.9%    | -13.9% | -11.7% |
| PolyvinylCNY/T     | 5040   | -4.7%  | 4.0%    | 2.3%   | -10.6% |
| PolypropyleneCNY/T | 7113   | -1.3%  | 0.7%    | -3.6%  | -6.6%  |
| Soda AshCNY/T      | 1286   | -0.3%  | 7.9%    | -15.8% | -31.4% |
| NeodymiumCNY/T     | 647500 | 1.2%   | 17.2%   | 30.3%  | 38.5%  |
| TelluriumCNY/Kg    | 605    | 0.0%   | -6.2%   | -6.2%  | -22.4% |
| UreaUSD/T          | 459    | 1.3%   | 11.7%   | 36.0%  | 48.1%  |
| Di-ammoniumUSD/T   | 804.5  | 6.6%   | 12.1%   | 39.3%  | 49.0%  |

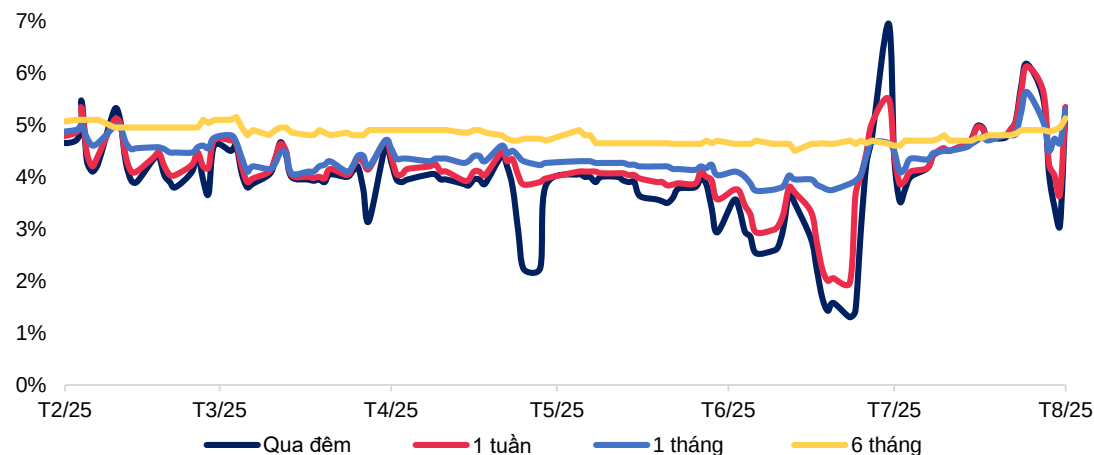
| Index                   | Price  | Weekly | Monthly | YTD    | YoY    |
|-------------------------|--------|--------|---------|--------|--------|
| CRB IndexIndex Points   | 369.61 | -1.4%  | 1.6%    | 3.6%   | 14.6%  |
| LME IndexIndex Points   | 4132.3 | -2.1%  | -3.3%   | 5.8%   | 7.0%   |
| GSCIIndex               | 545.58 | 0.1%   | -1.6%   | -0.7%  | 2.4%   |
| SSE Consume Commodity   | 8311.5 | 0.2%   | 6.8%    | 5.5%   | 13.4%  |
| Containerized Freight   | 1592.6 | 0.0%   | -14.5%  | -35.3% | -52.2% |
| Nuclear Energy IndexUSD | 38.5   | -7.8%  | 1.9%    | 43.8%  | 55.9%  |
| Solar Energy IndexUSD   | 36.51  | -5.7%  | -1.9%   | 8.4%   | -9.9%  |
| EU Carbon PermitsEUR    | 71.04  | -0.4%  | -1.2%   | -2.7%  | 0.9%   |
| Wind Energy IndexUSD    | 19.16  | -1.6%  | 3.1%    | 29.5%  | 15.4%  |

Nguồn: Update 01/08, tradingeconomics, MBS Research

## Lãi suất

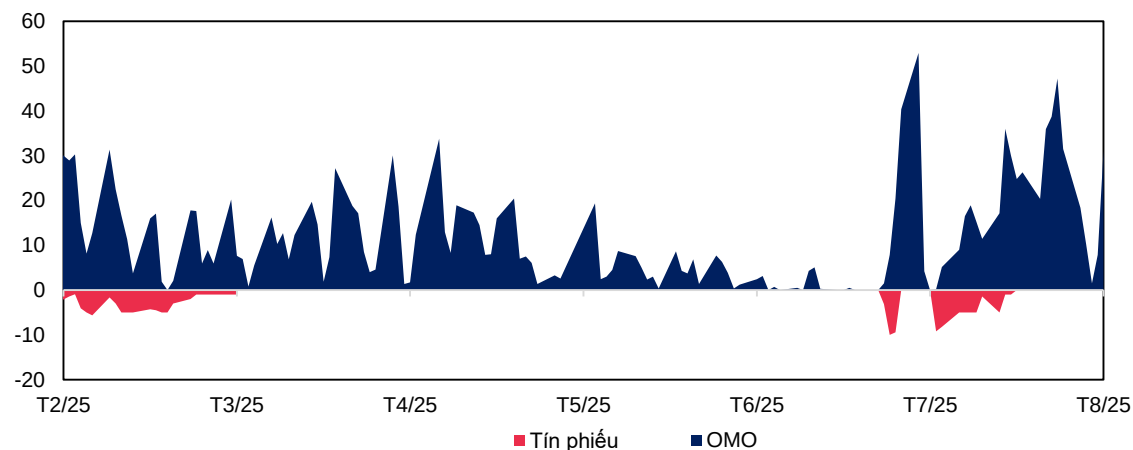
- Sau chuỗi năm tuần liên tiếp bơm ròng, tuần vừa qua, NHNN đã quay trở lại hút ròng nhẹ nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống. Cụ thể, Nhà điều hành đã bơm vào hệ thống khoảng hơn 68.8 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO với các kỳ hạn 7, 14, 28, và 91 ngày với lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 70.6 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã hút ròng gần 1.8 nghìn tỷ đồng trong tuần 28/7 – 1/8. Tính đến thời điểm hiện tại, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là 209,105.11 tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Lượng lớn vốn được bơm vào hệ thống trong năm tuần qua đã giúp lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt đáng kể khi lãi suất kỳ hạn qua đêm vào đầu tuần đã giảm mạnh 3.1 đpt so với cuối tuần trước đó về mức 3.1%. Tuy nhiên, sau 3 phiên liên tiếp hút ròng từ ngày 29-31/7, lãi suất liên ngân hàng đã bật tăng trở lại vào cuối tuần. Cụ thể, lãi suất qua đêm tăng lên mức 5.3%. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng hiện dao động trong khoảng 5.2% - 5.3%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng ở mức 5.1%.

## Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Thị trường mở



Nguồn: NHNN, MBS Research



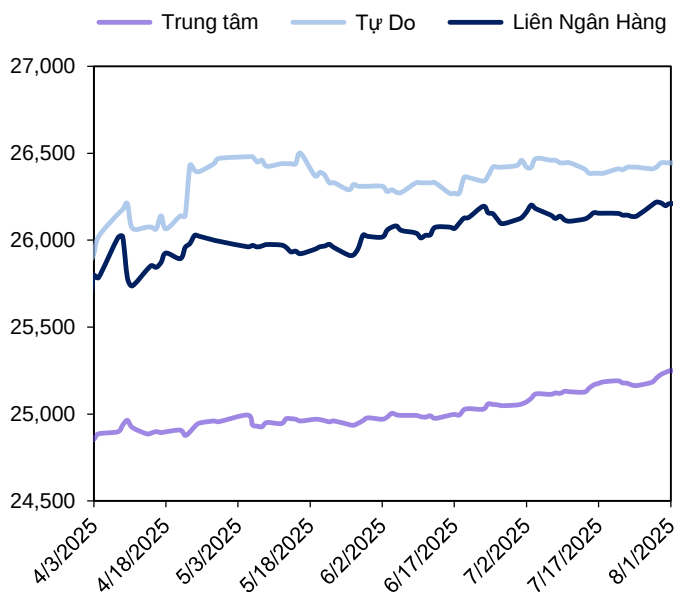
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Thị trường ngoại hối và trái phiếu

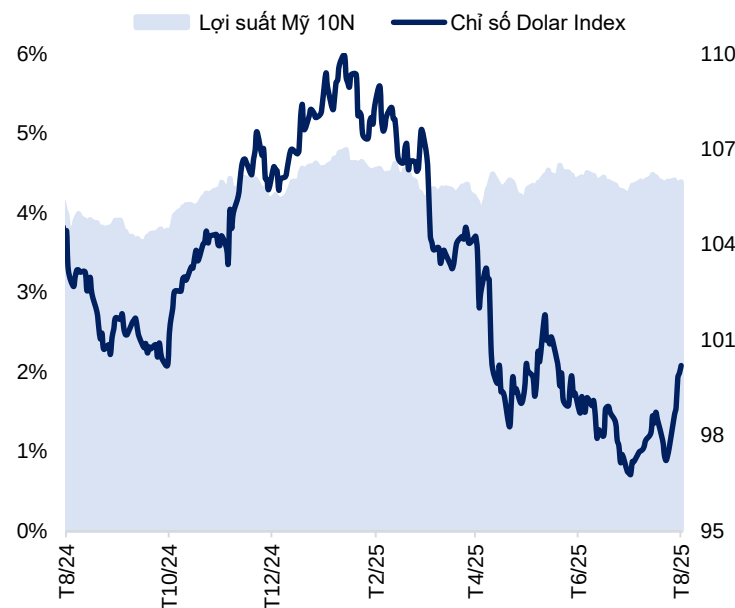
Đồng USD duy trì xu hướng tăng mạnh kể từ đầu tuần vừa qua trong bối cảnh hàng loạt các quốc gia đạt được thoả thuận thuế quan với Mỹ giúp căng thẳng thương mại hạ nhiệt. Cùng với đó, chỉ số DXY cũng được hỗ trợ bởi quyết định giữ nguyên phạm vi lãi suất ở mức 4.25% - 4.5% lần thứ 7 liên tiếp của Fed khi nền kinh tế vẫn tăng trưởng vững vàng với GDP Q2 tăng 3% svck, nhưng lạm phát vẫn dai dẳng với chỉ số PCE tháng 6 tăng 2.6% svck. Theo đó, chỉ số DXY đã đạt đỉnh 2 tháng tại mức 99.9 vào ngày 31/7. Tuy nhiên, đồng USD đã quay đầu giảm trở lại vào ngày 1/8 về mức 99.1 sau báo cáo việc làm tháng 7 gây thất vọng, với số việc làm mới thấp hơn dự báo và tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4.2%. Trong nước, tỷ giá USD/VND tiếp tục duy trì đà tăng trong tuần vừa qua. Tỷ giá liên ngân hàng hiện đang giao dịch tại 26,211 VND/USD (+2.9% so với đầu năm). Tỷ giá tại thị trường tự do ở mức 26,445 VND/USD (+2.7% so với đầu năm), trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 25,249 VND/USD (+3.7% so với đầu năm).

### Tỷ giá USD/VND



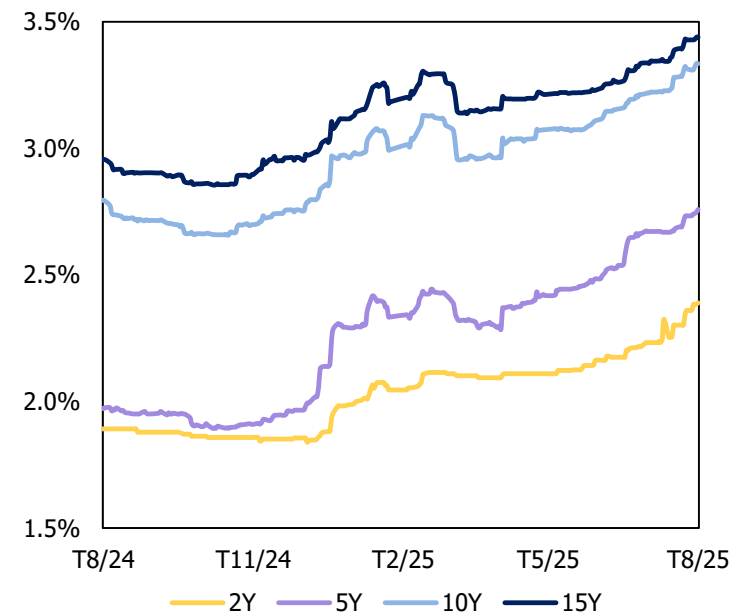
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

### Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

### Lợi suất TPCP



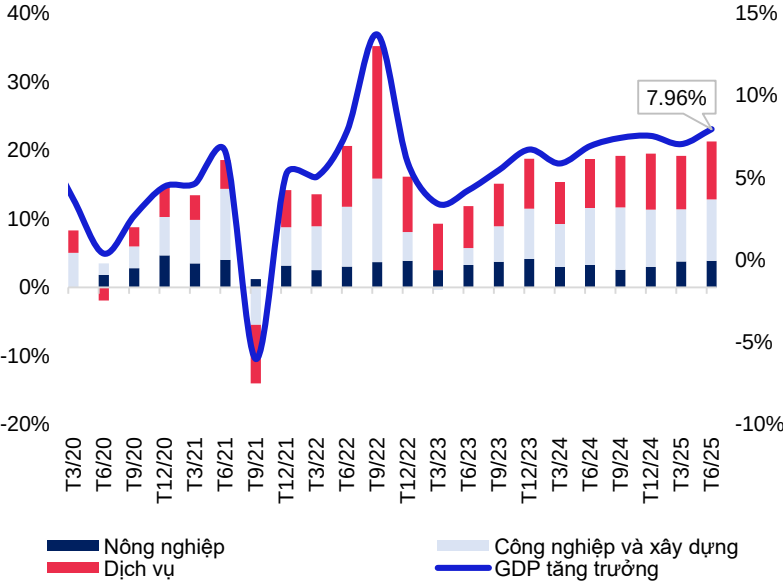
Nguồn: Bloomberg, MBS Research



## Kinh tế vĩ mô trong nước

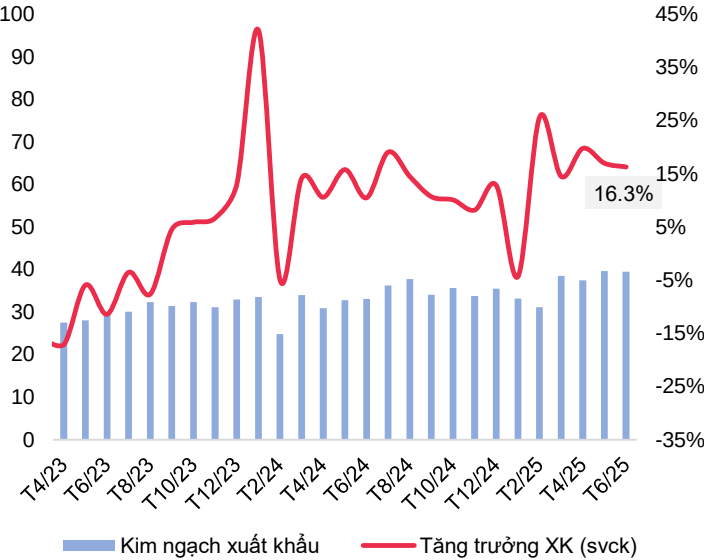
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 ước tính tăng 7.96% svck, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8.56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9%; khu vực dịch vụ tăng 8.5%. Lũy kế 6T2025, GDP tăng 7,52% svck, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025 .
- Trong 6T2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 219.8 tỷ USD, tăng 14.4% svck. Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+103.4% svck); điện tử, máy tính và linh kiện (+40% svck); sản phẩm từ sắt thép (+31.6% svck). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tích cực, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong T6/25 ước tăng 4.1% so với tháng trước và tăng 10.8% svck.

Tăng trưởng GDP theo từng nhóm ngành



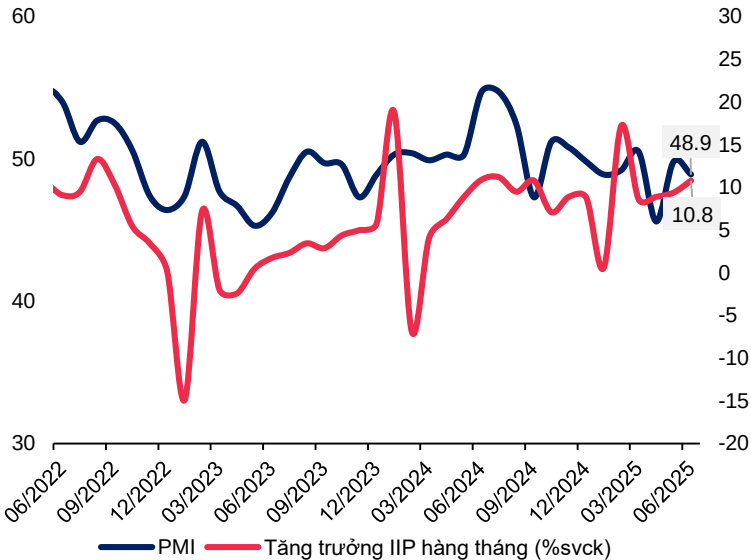
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

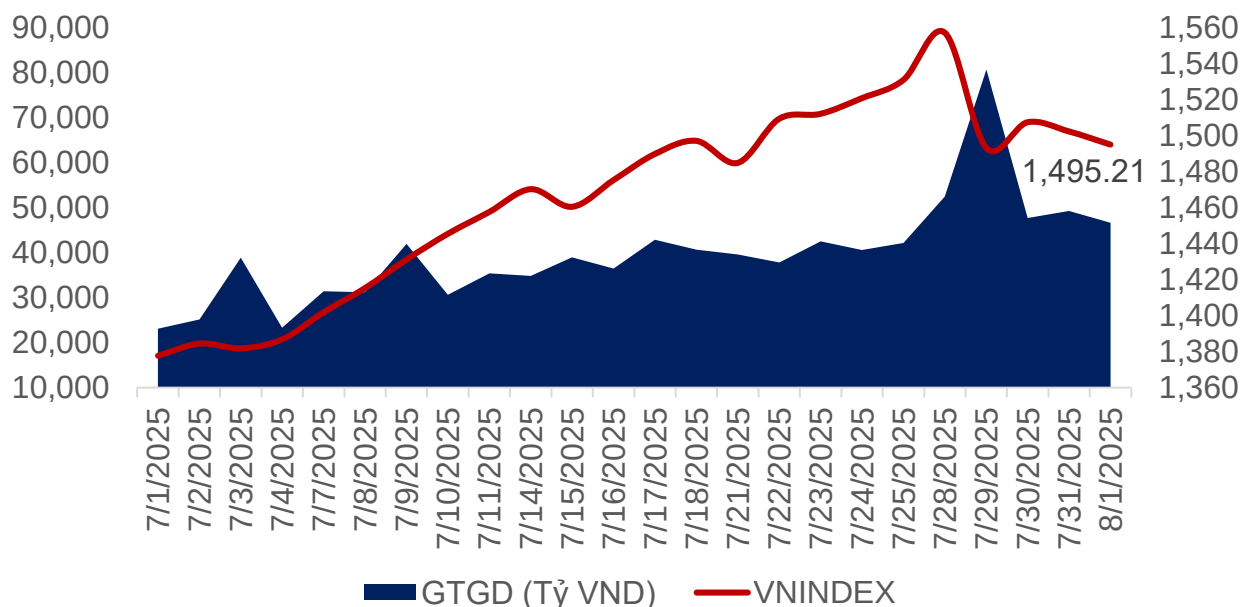
## Chỉ số Vn-Index dễ mất ngưỡng 1.500 điểm trong tuần thị trường lập kỷ lục về thanh khoản, cổ phiếu Penny ngược dòng thị trường

Chỉ số Vn-Index dễ mất ngưỡng 1.500 điểm, chốt tuần ở ngưỡng 1.495,21 điểm, giảm -35,92 điểm, tương đương giảm -2,35% so với tuần trước, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất và cũng là tuần giảm thứ 5 trong 17 tuần kể từ đáy tháng 4. Mức giảm tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Bluechips, với chỉ số VN30 giảm -3,31% trong khi nhóm cổ phiếu Midcap chỉ giảm nhẹ - 0,05%, thậm chí nhóm cổ phiếu Penny hay Smallcap còn đi ngược thị trường với mức tăng + 0,24%.

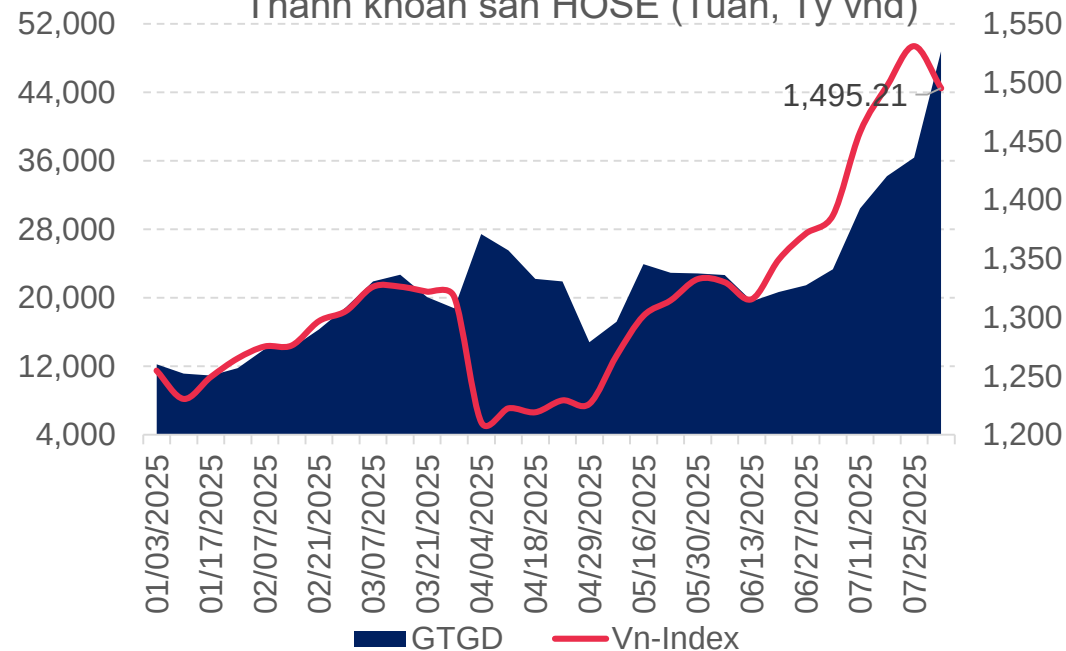
Một số nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường trong tuần vừa qua như: BĐS KCN (+4,54%), Chứng khoán (+3,32%), Hàng không (+0,86%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu gây sức ép lên thị trường gồm: Vingroup (-6,31%), Viettel (-6,09%), Thực phẩm (- 5,22%), ...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 55.397 tỷ đồng, tăng +36,5% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +37,9% lên 52.297 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 7 tăng +104% vsck và tăng + 68,5% so với tháng 6, đạt 39.500 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 23.716 tỷ đồng, tăng +12,5% so với mức bình quân năm 2024, tương đương so với cùng kỳ.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)

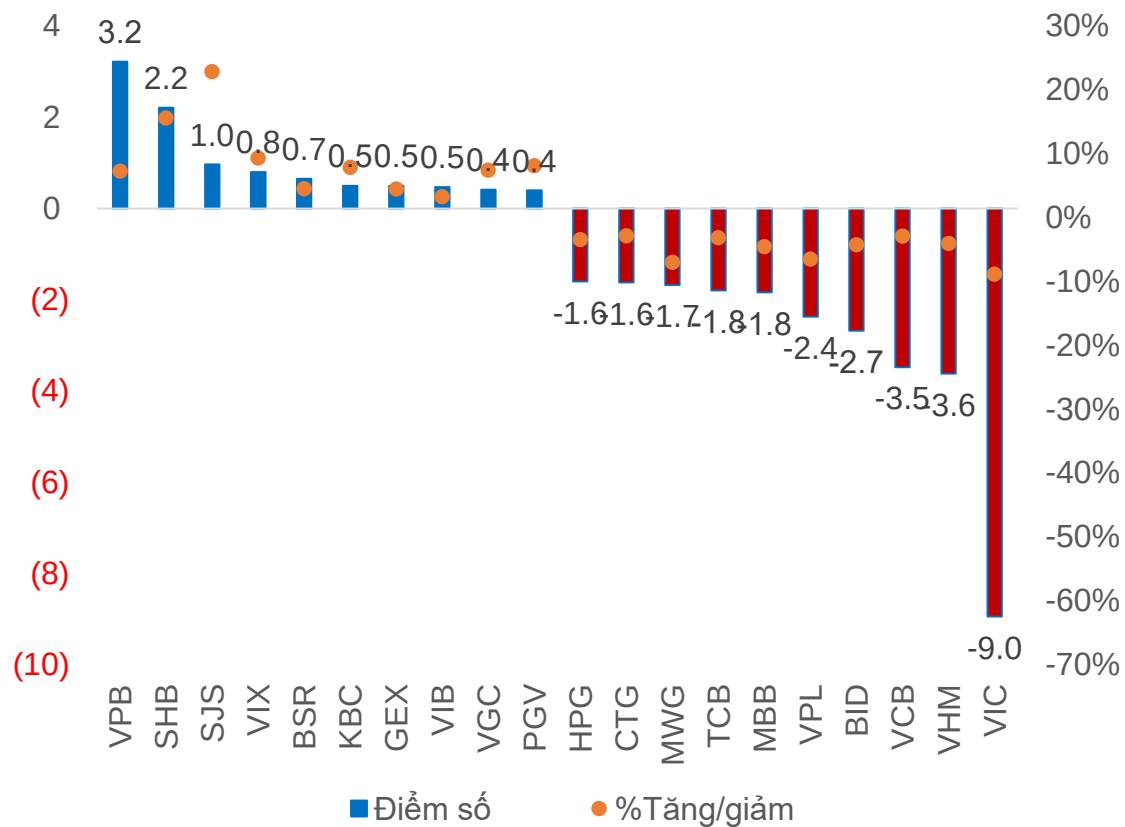


# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



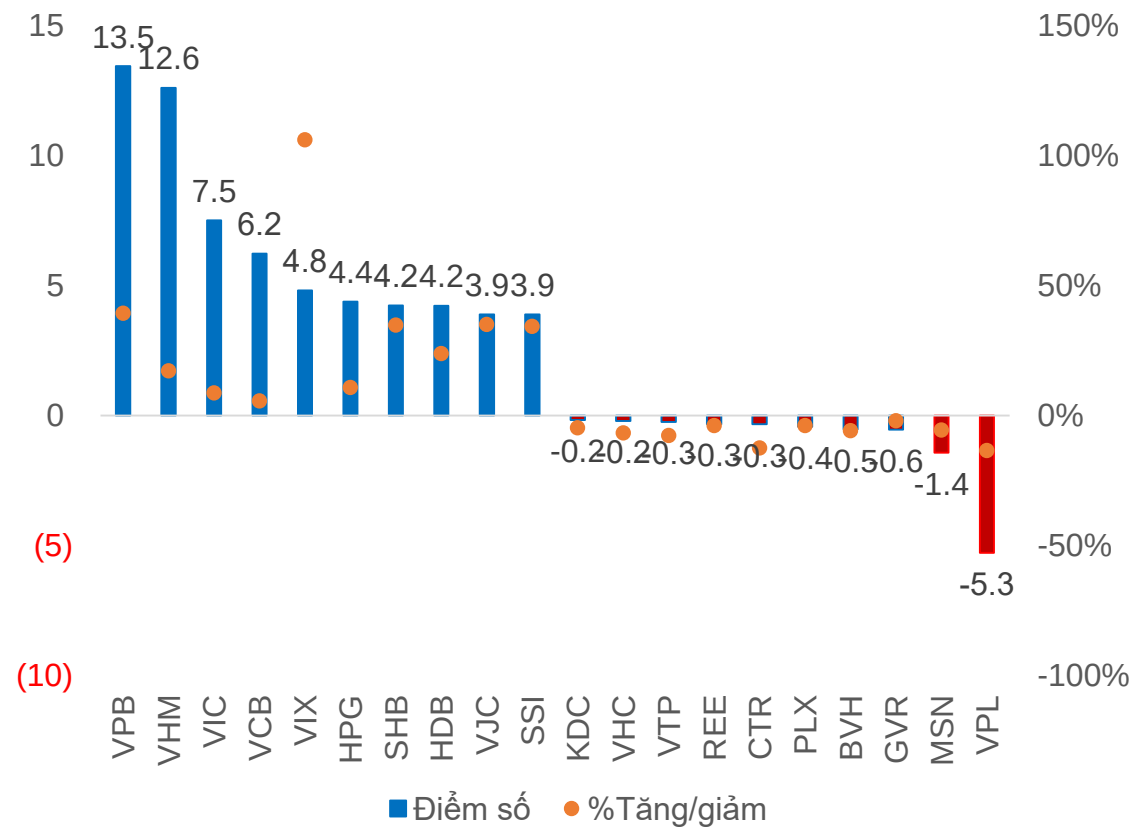
## Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số Vn-Index trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua

Top cổ phiếu đóng góp vào mức giảm -35,92 điểm (-2,35%) của Vn-Index 1 tuần qua



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +119,14 điểm (+8,66%) của Vn-Index 1 tháng qua

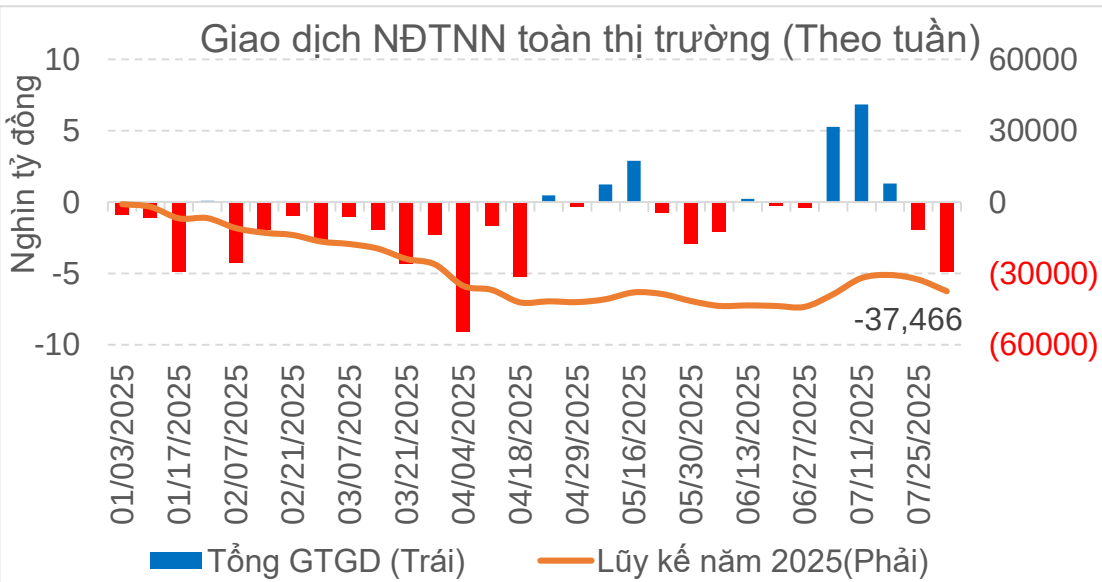
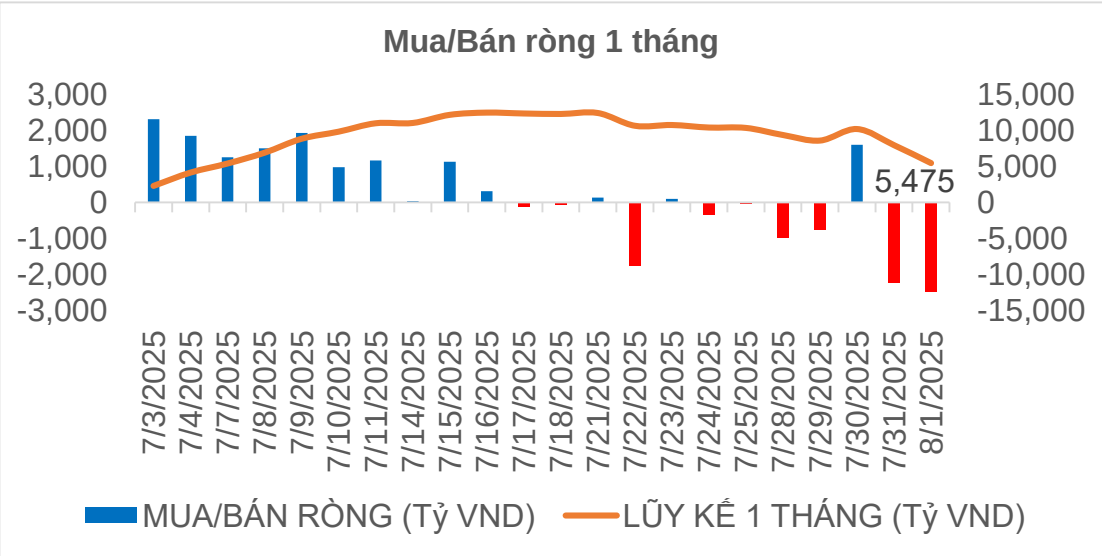


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -4.880 tỷ đồng, kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng gần +6.400 tỷ đồng.



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

| Country     | Date      | Daily | WTD    | MTD    | QTD    | YTD     | 12M     |
|-------------|-----------|-------|--------|--------|--------|---------|---------|
| Asia (11)   |           |       |        |        |        |         |         |
| China       | 30-Jun-25 |       |        | 17,577 | 18,652 | 27,258  | 54,887  |
| India       | 30-Jul-25 | -19   | -1,133 | -2,149 | -2,149 | -10,305 | -14,756 |
| Indonesia   | 31-Jul-25 | -77   | -138   | -511   | -511   | -3,748  | -2,634  |
| Japan       | 25-Jul-25 |       | 5,033  | 16,137 | 16,137 | 23,142  | -14,797 |
| Malaysia    | 31-Jul-25 | -20   | -86    | -221   | -221   | -2,949  | -4,002  |
| Philippines | 1-Aug-25  | -1    | -8     | -1     | -30    | -624    | -561    |
| S. Korea    | 1-Aug-25  | -543  | 937    | -543   | 3,974  | -5,393  | -21,030 |
| Sri Lanka   | 31-Jul-25 | -0.4  | -0.8   | -20    | -20    | -59     | -75     |
| Taiwan      | 31-Jul-25 | 489   | 650    | 8,274  | 8,274  | 2,345   | -10,724 |
| Thailand    | 31-Jul-25 | 17    | 113    | 499    | 499    | -1,837  | -2,686  |
| Vietnam     | 31-Jul-25 | -73   | -114   | 298    | 298    | -1,245  | -2,448  |

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

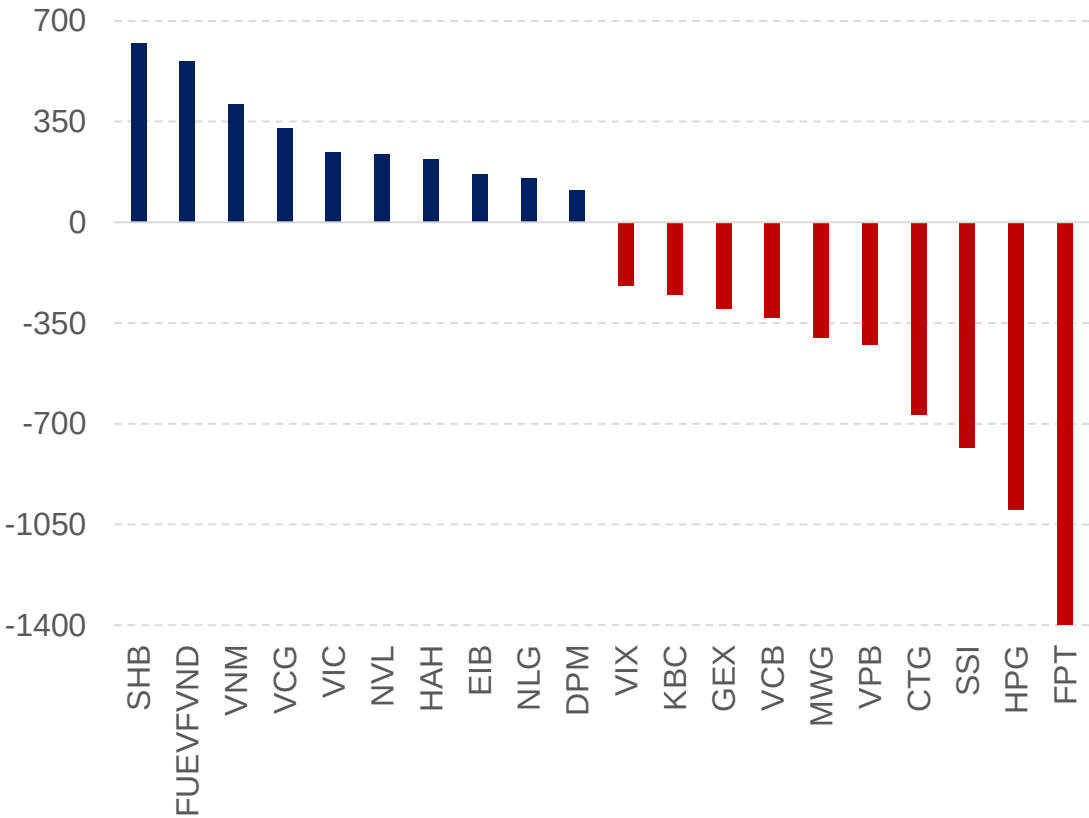


# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



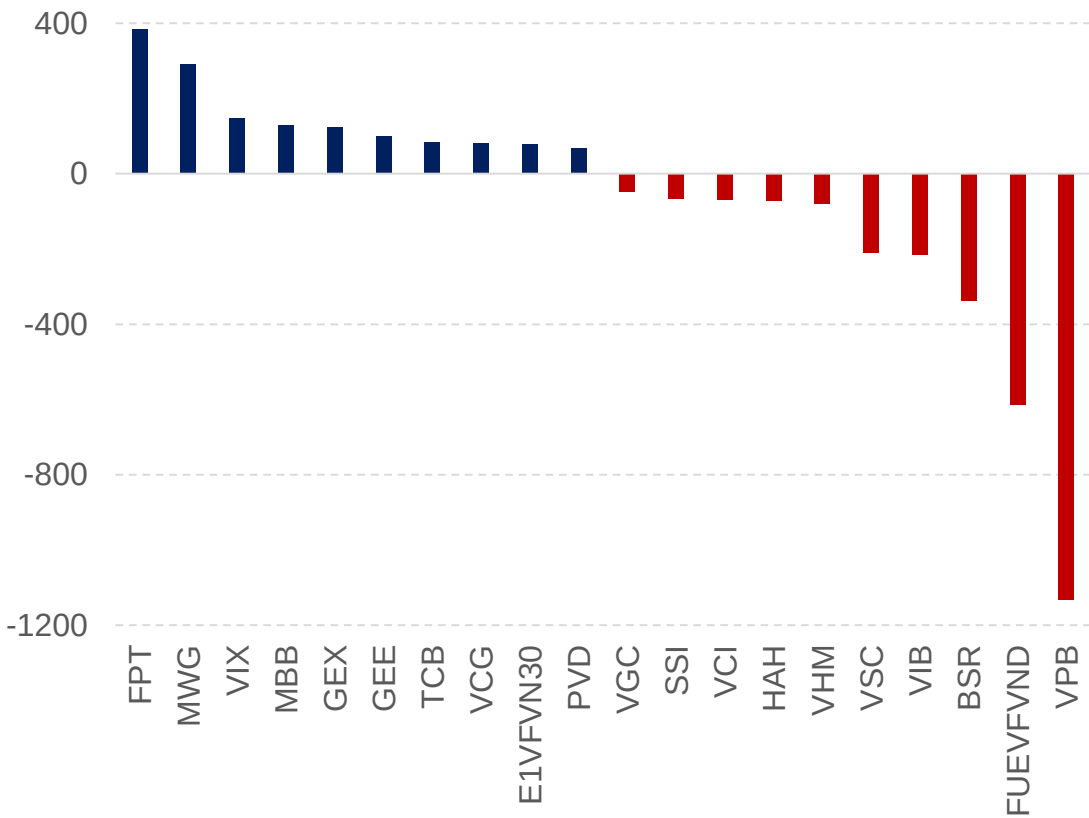
## Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhóm cổ phiếu được khối ngoại mua/bán ròng nhiều nhất kể từ khi giải ngân trở lại (2/7)

| Mã       | Giá   | Tổng GTGD Ròng<br>(1/7 - 31/7) | Tổng GTGD Ròng<br>(28/7 - 01/08) | Tổng room NN (CP) | Room NN còn lại (CP) | 1W (%) | 1M (%) | YTD (%) |
|----------|-------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------|--------|--------|---------|
| SSI      | 33.2  | 3,457                          | -782                             | 1,973,863,918     | 1,147,022,927        | -2.35  | 35.79  | 27.45   |
| VPB      | 25.8  | 1,495                          | -426                             | 2,380,177,080     | 347,602,244          | 7.28   | 39.84  | 38.03   |
| SHB      | 17.4  | 1,363                          | 623                              | 1,219,724,100     | 1,003,560,555        | 15.61  | 35.41  | 95.47   |
| FUEVFNVD | 34.9  | 1,278                          | 559                              | 377,500,000       | 18,432,109           | -3.43  | 5.44   | 4.12    |
| VNM      | 60.0  | 892                            | 412                              | 2,089,955,445     | 1,064,446,271        | -5.06  | 4.35   | -2.01   |
| HDB      | 27.0  | 800                            | -14                              | 614,274,894       | 3,074,415            | -4.42  | 22.17  | 5.88    |
| VND      | 22.2  | 684                            | 37                               | 1,522,299,908     | 1,257,681,986        | 4.96   | 32.14  | 81.75   |
| NVL      | 17.3  | 649                            | 236                              | 955,551,223       | 750,879,309          | 0.88   | 13.86  | 68.29   |
| TPB      | 15.7  | 542                            | 5                                | 792,586,858       | 146,545,837          | 0.64   | 15.87  | 1.15    |
| VIC      | 104.0 | 517                            | 245                              | 1,862,402,462     | 1,596,186,772        | -8.85  | 8.79   | 156.47  |
| MWG      | 65.2  | 409                            | -403                             | 725,049,656       | 4,477,599            | -6.99  | 2.54   | 8.42    |
| ACB      | 23.0  | 382                            | -8                               | 1,540,996,979     | 187,401              | -2.54  | 7.98   | 6.68    |
| DXG      | 19.7  | 378                            | 21                               | 510,315,837       | 248,008,159          | -1.01  | 18.32  | 54.32   |
| VRE      | 28.5  | 307                            | -30                              | 1,141,121,020     | 712,879,303          | -3.56  | 14.72  | 65.89   |
| DIG      | 20.9  | 279                            | 79                               | 316,751,283       | 284,265,065          | -4.36  | 21.93  | 16.85   |
| VCG      | 26.4  | 269                            | 328                              | 293,310,794       | 234,419,337          | 2.72   | 14.53  | 62.86   |
| NLG      | 40.2  | 261                            | 154                              | 192,537,652       | 5,721,432            | -3.48  | 3.08   | 11.45   |
| MSB      | 13.5  | 243                            | 94                               | 780,000,000       | 45,043,604           | -4.26  | 10.2   | 15.88   |
| FRT      | 154.5 | 243                            | -44                              | 66,758,770        | 21,335,932           | -2.22  | 7.54   | 4.07    |
| TCH      | 23.0  | 238                            | 5                                | 340,790,079       | 259,902,211          | -10.16 | 15.58  | 51.82   |

Nguồn: FinX, MBS Research

| Mã      | Giá   | Tổng GTGD Ròng<br>(1/7 - 31/7) | Tổng GTGD Ròng<br>(28/7 - 01/08) | Tổng room NN (CP) | Room NN còn lại (CP) | 1W (%) | 1M (%) | YTD (%) |
|---------|-------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------|--------|--------|---------|
| HCM     | 26.0  | 280                            | 85                               | 353,197,650       | 76,425,496           | 0.97   | 22.35  | 14.41   |
| MSN     | 72.5  | 210                            | 90                               | 1,512,928,087     | 1,128,094,746        | -4.35  | -3.59  | 3.57    |
| VCI     | 44.5  | 204                            | 22                               | 722,600,000       | 509,876,382          | 3.25   | 25.56  | 34.86   |
| VIX     | 26.3  | 185                            | 221                              | 1,531,429,858     | 1,340,002,951        | 9.36   | 105.47 | 180.89  |
| HSG     | 18.5  | 152                            | 87                               | 304,281,331       | 243,704,548          | -0.8   | 10.78  | 3.2     |
| VSC     | 25.8  | 131                            | 12                               | 183,441,477       | 166,826,294          | 12.2   | 63.49  | 108.91  |
| DPM     | 41.5  | 131                            | 13                               | 195,700,000       | 163,050,765          | 0.36   | 12.26  | 23.17   |
| STB     | 49.4  | 128                            | 54                               | 565,564,714       | 188,603,907          | 1.23   | 5.22   | 33.88   |
| OCB     | 12.7  | 120                            | 32                               | 542,473,613       | 52,827,255           | -1.93  | 13.47  | 17.45   |
| EIB     | 26.2  | 115                            | 66                               | 560,090,574       | 461,606,674          | -5.42  | 16.19  | 35.75   |
| HAH     | 80.2  | 115                            | 220                              | 38,968,325        | 31,609,465           | 7.94   | 20.78  | 62.02   |
| NKG     | 15.5  | 113                            | 42                               | 223,785,440       | 192,739,420          | 2.99   | 16.98  | 7.27    |
| EVF     | 13.4  | 110                            | 49                               | 114,084,870       | 102,866,595          | -5.3   | 28.23  | 47.25   |
| GMD     | 56.0  | 107                            | 202                              | 205,894,231       | 40,968,034           | -4.11  | 0.63   | -11.25  |
| CTR     | 90.0  | 100                            | 134                              | 56,049,080        | 46,041,316           | -8.81  | -11.76 | -27.71  |
| PLX     | 35.8  | 100                            | 206                              | 258,775,616       | 42,125,005           | -6.04  | -2.98  | -1.33   |
| BID     | 37.2  | 100                            | 81                               | 2,106,408,575     | 882,647,199          | -4.25  | 1.64   | -0.93   |
| GVR     | 29.7  | 100                            | 81                               | 520,000,000       | 492,430,268          | -4.81  | -4.65  | -2.14   |
| VHC     | 55.7  | 100                            | 70                               | 224,453,159       | 180,416,765          | -4.13  | -5.43  | -20.99  |
| E1VFN30 | 28.3  | 100                            | 73                               | 215,900,000       | 32,530,551           | -2.85  | 10.63  | 20.53   |
| VHM     | 89.9  | 100                            | 89                               | 2,053,706,002     | 1,623,210,949        | -4.06  | 17.82  | 124.75  |
| GEX     | 55.9  | 100                            | 301                              | 451,199,474       | 379,531,134          | 4.49   | 51.08  | 213.09  |
| KDH     | 27.7  | 100                            | 30                               | 505,571,282       | 165,415,907          | -3.48  | 3.55   | -15.53  |
| FPT     | 107.0 | 100                            | 100                              | 725,851,759       | 130,352,861          | -3.34  | 3.54   | -18.65  |
| VCB     | 60.2  | 100                            | 30                               | 2,506,702,528     | 669,803,676          | -2.9   | 3.44   | -1.24   |
| HPG     | 25.2  | 100                            | 99                               | 3,760,978,268     | 2,077,575,397        | -3.45  | 11.04  | 13.33   |
| VJC     | 119.0 | 100                            | 10                               | 162,483,400       | 119,851,396          | -2.38  | 31.49  | 19      |

Nguồn: FinX, MBS Research

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn có dấu hiệu trở lại ở ETF Diamond, VanEck trong vòng 1 tháng qua

|                                       | Fund Assets<br>(M USD) | NAV<br>Currency | NAV       | MTD<br>Return | YTD<br>Return | 1 Yr<br>Return | 1W Flow<br>(M USD) | 1M Flow<br>(M USD) | 3M Flow<br>(M USD) | YTD Flow<br>(M USD) | 1Y Flow<br>(M USD) |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|-----------|---------------|---------------|----------------|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| VanEck Vietnam ETF                    | 522.14                 | USD             | 16.14     | 16.58%        | 39.63%        | 34.03%         | 3.34               | 28.06              | 26.04              | -35.39              | -87.85             |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF                  | 17.80                  | VND             | 28,103.63 | 14.05%        | 26.70%        | 36.65%         | 0.00               | 0.30               | -2.35              | -4.72               | -13.21             |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF | 313.19                 | EUR             | 29.07     | 18.39%        | 23.40%        | 24.75%         | -0.49              | -1.22              | -14.27             | -25.80              | -42.66             |
| DCVFMVN30 ETF Fund                    | 235.15                 | VND             | 28,504.15 | 11.33%        | 22.62%        | 27.50%         | -1.44              | -14.11             | -23.89             | -67.86              | -105.73            |
| Fubon FTSE Vietnam ETF                | 564.30                 | TWD             | 14.26     | 13.97%        | 19.85%        | 17.82%         | -26.22             | -56.45             | -74.54             | -174.19             | -257.94            |
| DCVFMVN Diamond ETF                   | 476.65                 | VND             | 34,782.00 | 5.64%         | 3.97%         | 6.12%          | -0.96              | 22.31              | 24.62              | -17.10              | -6.48              |
| MAFN VN30 ETF                         | 36.35                  | VND             | 19,689.92 | 10.84%        | 21.87%        | 28.41%         | -0.16              | -0.16              | -0.23              | 3.11                | 15.18              |
| KIM Growth VN30 ETF                   | 82.01                  | VND             | 10,963.23 | 10.60%        | 23.30%        | 28.31%         | -2.18              | -2.73              | -4.65              | -1.57               | 9.77               |
|                                       | 2,247.59               |                 |           |               |               |                | -28.10             | -23.99             | -69.27             | -323.53             | -488.92            |

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

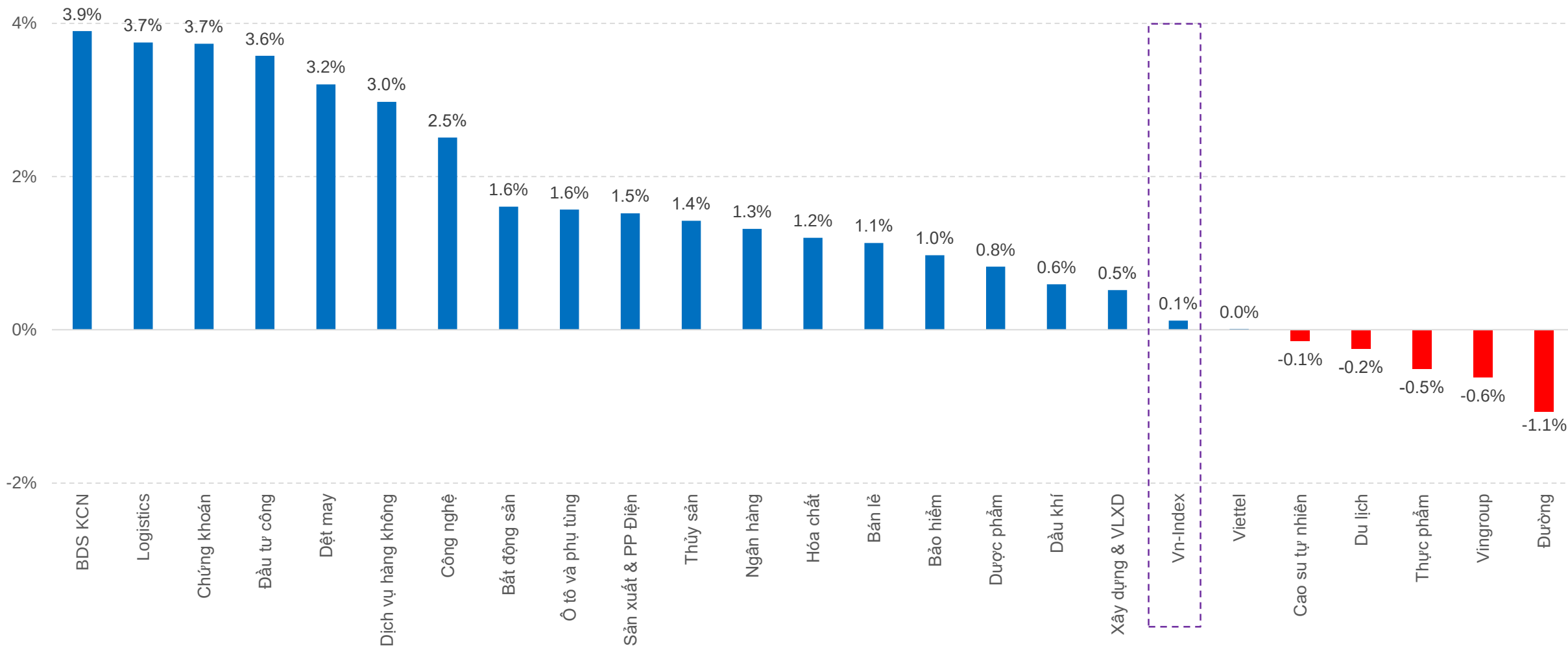
|                    | 08/01/2025 | 07/25/2025 | 07/18/2025 | 07/11/2025 | 07/04/2025 |
|--------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Dầu khí            | 50.5%      | 26.0%      | 13.9%      | 32.7%      | -48.4%     |
| Ngân hàng          | 32.0%      | 17.0%      | -3.4%      | 54.8%      | 16.8%      |
| Chứng khoán        | 39.9%      | 9.6%       | 15.1%      | 42.3%      | 59.9%      |
| Bất động sản       | 44.4%      | -18.7%     | 62.3%      | 37.8%      | 17.9%      |
| Dệt may            | 23.8%      | 9.4%       | -3.5%      | -36.5%     | 51.8%      |
| Bán lẻ             | 58.1%      | -10.7%     | 22.6%      | -8.4%      | 7.4%       |
| Vingroup           | 16.1%      | -16.5%     | 29.1%      | 67.4%      | -27.7%     |
| Xây dựng & VLXD    | 51.9%      | 4.4%       | -16.2%     | 117.3%     | 8.7%       |
| Thực phẩm          | 8.5%       | 14.7%      | 3.7%       | 45.5%      | -21.2%     |
| Thủy sản           | -15.7%     | 56.1%      | -4.5%      | -34.2%     | 53.3%      |
| Logistics          | 36.1%      | 45.0%      | 23.6%      | 12.0%      | 59.5%      |
| Dược phẩm          | 36.6%      | -2.4%      | 10.5%      | 2.8%       | -40.7%     |
| Sản xuất & PP Điện | 42.4%      | 22.0%      | 30.2%      | 24.2%      | 31.0%      |
| Đầu tư công        | 28.2%      | 5.1%       | 46.6%      | 12.2%      | 11.0%      |
| Hóa chất           | 5.1%       | 35.3%      | 0.5%       | 15.6%      | -1.4%      |
| Cao su tự nhiên    | -2.1%      | 18.6%      | 36.9%      | -44.6%     | 23.0%      |
| Bảo hiểm           | 34.1%      | 31.4%      | 7.0%       | -1.7%      | 18.2%      |
| Ô tô và phụ tùng   | 147.3%     | -25.4%     | 27.2%      | 11.4%      | 47.6%      |
| Dịch vụ            | 10.4%      | 55.0%      | -5.1%      | 53.5%      | 3.2%       |
| BDS KCN            | 65.0%      | 2.5%       | 11.2%      | -19.7%     | 15.1%      |
| Viettel            | 49.0%      | -19.2%     | 7.2%       | 16.2%      | 24.7%      |
| Du lịch            | 2.7%       | 26.7%      | -2.8%      | 21.1%      | 17.3%      |
| Công nghệ          | 50.0%      | 1.1%       | -32.3%     | 22.1%      | 51.8%      |
| Đường              | 40.2%      | 23.8%      | 16.7%      | 7.3%       | -3.0%      |

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

|                    | 08/01/2025 | 07/25/2025 | 07/18/2025 | 07/11/2025 | 07/04/2025 |
|--------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Dầu khí            | 2.8%       | 2.6%       | 2.2%       | 2.1%       | 2.2%       |
| Ngân hàng          | 22.1%      | 22.8%      | 20.8%      | 24.0%      | 21.2%      |
| Chứng khoán        | 21.7%      | 21.1%      | 20.5%      | 19.9%      | 19.1%      |
| Bất động sản       | 14.1%      | 13.3%      | 17.4%      | 12.0%      | 11.9%      |
| Dệt may            | 0.6%       | 0.6%       | 0.6%       | 0.7%       | 1.5%       |
| Bán lẻ             | 3.2%       | 2.8%       | 3.3%       | 3.0%       | 4.5%       |
| Vingroup           | 3.0%       | 3.5%       | 4.5%       | 3.9%       | 3.2%       |
| Xây dựng & VLXD    | 7.1%       | 6.4%       | 6.5%       | 8.7%       | 5.5%       |
| Thực phẩm          | 3.7%       | 4.6%       | 4.3%       | 4.6%       | 4.4%       |
| Thủy sản           | 0.6%       | 1.0%       | 0.7%       | 0.8%       | 1.6%       |
| Logistics          | 4.1%       | 4.1%       | 3.0%       | 2.7%       | 3.3%       |
| Dược phẩm          | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.2%       |
| Sản xuất & PP Điện | 2.0%       | 2.0%       | 1.7%       | 1.5%       | 1.6%       |
| Đầu tư công        | 2.9%       | 3.1%       | 3.1%       | 2.4%       | 2.9%       |
| Hóa chất           | 3.0%       | 3.9%       | 3.1%       | 3.4%       | 4.1%       |
| Cao su tự nhiên    | 0.2%       | 0.3%       | 0.3%       | 0.2%       | 0.6%       |
| Bảo hiểm           | 0.2%       | 0.2%       | 0.1%       | 0.1%       | 0.2%       |
| Ô tô và phụ tùng   | 0.9%       | 0.5%       | 0.7%       | 0.6%       | 0.7%       |
| Dịch vụ            | 1.1%       | 1.4%       | 1.0%       | 1.1%       | 1.0%       |
| BDS KCN            | 2.5%       | 2.1%       | 2.1%       | 2.2%       | 3.7%       |
| Viettel            | 0.8%       | 0.7%       | 1.0%       | 1.0%       | 1.2%       |
| Du lịch            | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       | 0.0%       |
| Công nghệ          | 3.0%       | 2.7%       | 2.8%       | 4.7%       | 5.3%       |
| Đường              | 0.2%       | 0.2%       | 0.2%       | 0.2%       | 0.2%       |

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở sát mức đáy (1.493,41 điểm) trong 4 phiên vừa qua, tuy vậy một số nhóm cổ phiếu đã xuyên qua hỗ trợ này như: Vingroup, Thực phẩm. Trong khi một số nhóm cổ phiếu dù đã điều chỉnh nhưng vẫn nằm trên khá xa hỗ trợ này như: BĐS KCN, Chứng khoán, Logistics, Đầu tư công, Dệt may, Hàng không, v.v...

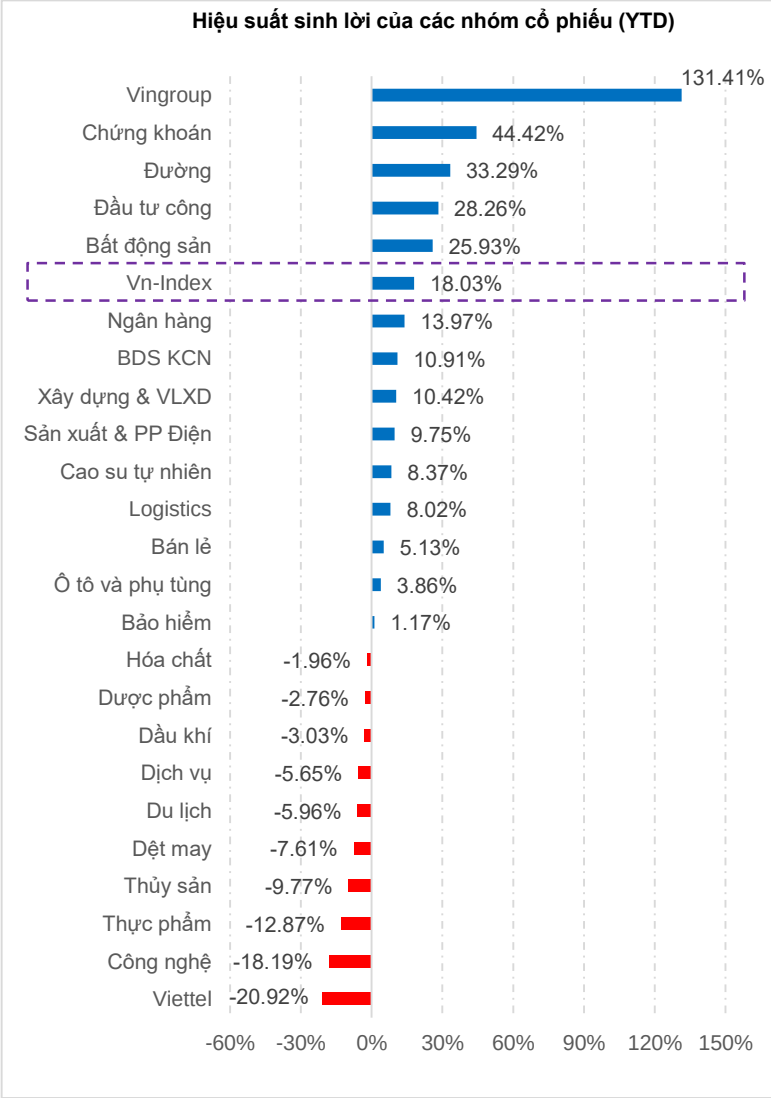
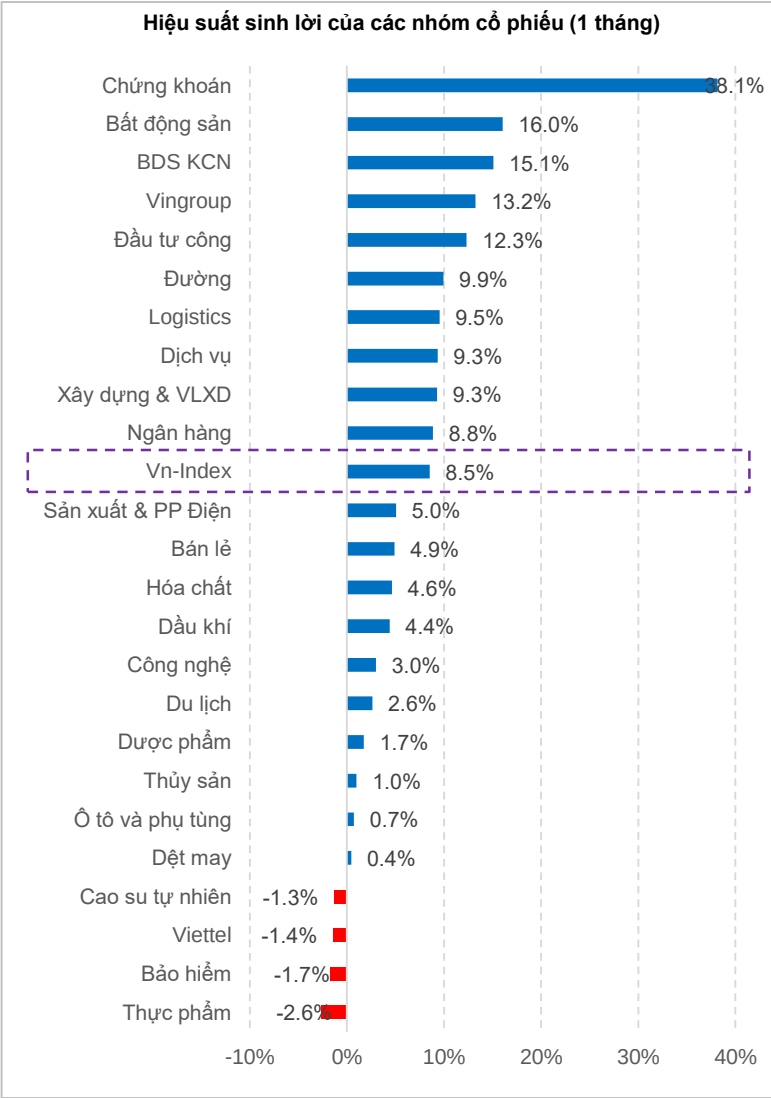
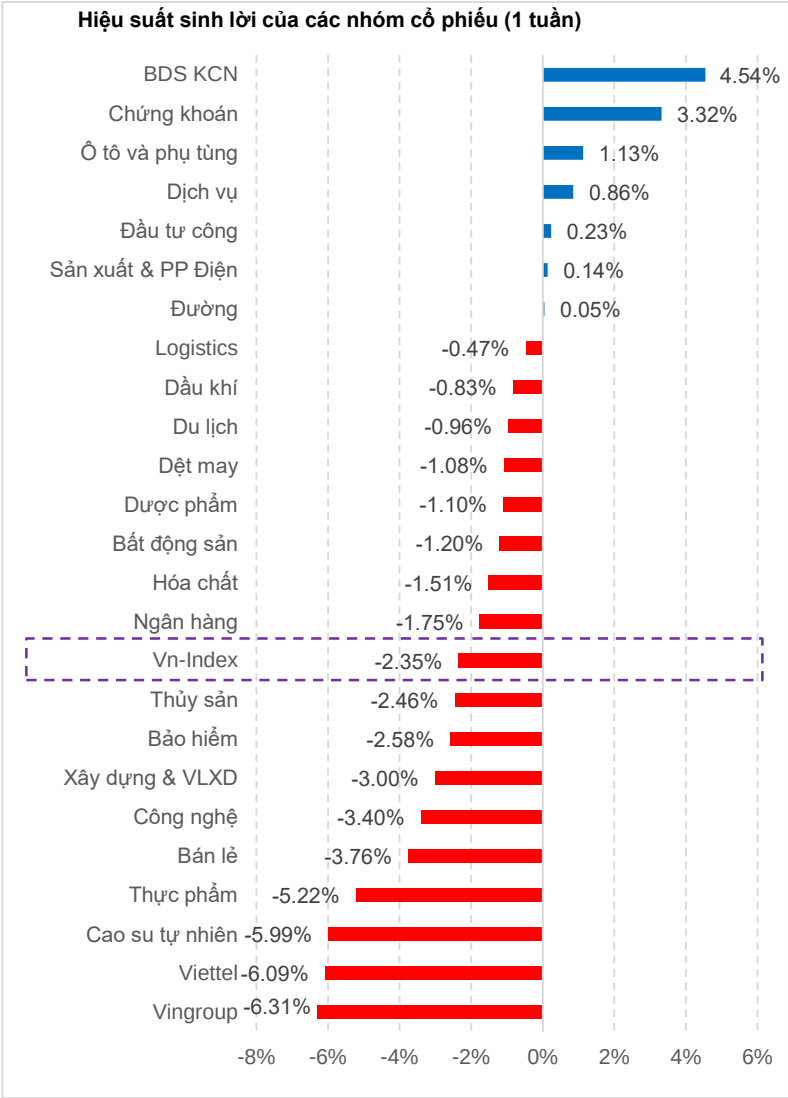




# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

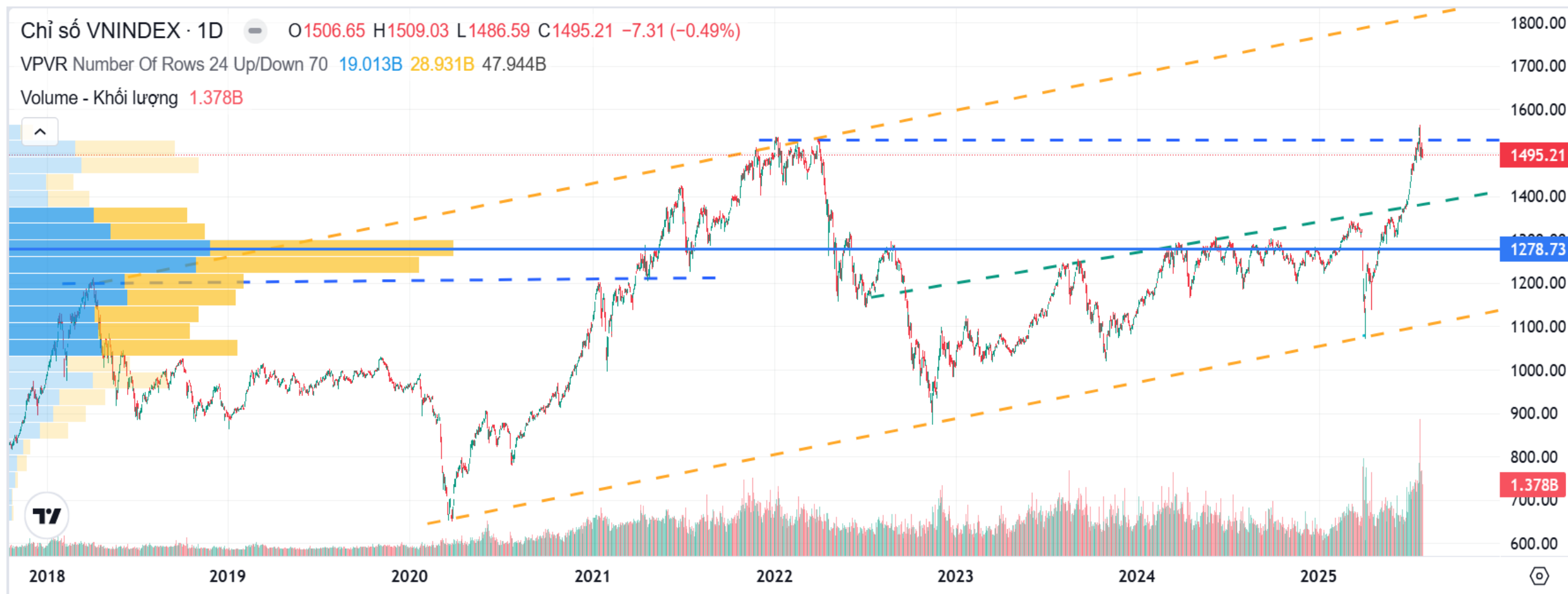
| STT | MCK     | Giá đóng cửa<br>(01/08) | 1 Tuần<br>(%) | 1 Tháng<br>(%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|---------|-------------------------|---------------|----------------|-------------------|--------------------------------|
|     | VNINDEX | 1495.21                 | -2.4          | 8.5            | 18.0              |                                |
| 1   | SHB     | 17.40                   | 15.6          | 35.4           | 95.5              | 2,405                          |
| 2   | SSI     | 33.20                   | -2.4          | 35.8           | 27.5              | 2,194                          |
| 3   | HPG     | 25.15                   | -3.5          | 11.0           | 13.3              | 1,880                          |
| 4   | VIX     | 26.30                   | 9.4           | 105.5          | 180.9             | 1,672                          |
| 5   | VPB     | 25.80                   | 7.3           | 39.8           | 38.0              | 1,609                          |
| 6   | SHS     | 21.50                   | 15.6          | 68.0           | 98.5              | 1,348                          |
| 7   | VND     | 22.20                   | 5.0           | 32.1           | 81.8              | 1,341                          |
| 8   | FPT     | 107.00                  | -3.3          | 3.5            | -18.7             | 1,088                          |
| 9   | TCB     | 34.10                   | -3.1          | -0.9           | 38.3              | 1,056                          |
| 10  | VSC     | 25.75                   | 12.2          | 63.5           | 108.9             | 952                            |
| 11  | VCI     | 44.45                   | 3.3           | 25.6           | 34.9              | 949                            |
| 12  | GEX     | 55.90                   | 4.5           | 51.1           | 213.1             | 893                            |
| 13  | STB     | 49.40                   | 1.2           | 5.2            | 33.9              | 870                            |
| 14  | MWG     | 65.20                   | -7.0          | 2.5            | 8.4               | 853                            |
| 15  | DIG     | 20.85                   | -4.4          | 21.9           | 16.9              | 837                            |

| STT | MCK | Giá đóng cửa<br>(01/08) | 1 Tuần<br>(%) | 1 Tháng<br>(%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|-----|-------------------------|---------------|----------------|-------------------|--------------------------------|
| 16  | MBB | 27.15                   | -4.6          | 4.4            | 24.5              | 816                            |
| 17  | CEO | 23.30                   | 1.8           | 33.9           | 76.5              | 805                            |
| 18  | MSN | 72.50                   | -4.4          | -3.6           | 3.6               | 781                            |
| 19  | CTG | 44.30                   | -2.9          | 5.7            | 17.2              | 755                            |
| 20  | EIB | 26.20                   | -5.4          | 16.2           | 35.8              | 722                            |
| 21  | DXG | 19.70                   | -1.0          | 18.3           | 54.3              | 715                            |
| 22  | HDB | 27.00                   | -4.4          | 22.2           | 5.9               | 699                            |
| 23  | CII | 16.50                   | 0.3           | 12.2           | 18.3              | 681                            |
| 24  | NVL | 17.25                   | 0.9           | 13.9           | 68.3              | 633                            |
| 25  | PDR | 20.20                   | -2.7          | 14.8           | -2.4              | 627                            |
| 26  | VIB | 19.00                   | 3.3           | 18.2           | 14.2              | 607                            |
| 27  | VHM | 89.90                   | -4.1          | 17.8           | 124.8             | 598                            |
| 28  | HCM | 26.00                   | 1.0           | 22.4           | 14.4              | 583                            |
| 29  | VCG | 26.40                   | 2.7           | 14.5           | 62.9              | 544                            |
| 30  | HAH | 80.20                   | 7.9           | 20.8           | 62.0              | 514                            |

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chỉ số Vn-Index chốt tuần với cây nến giảm, biến động mạnh và thanh khoản kỷ lục là tín hiệu đánh dấu nhịp tăng gần 490 điểm (+45,38%) kể từ đáy tháng 4 lên mức cao mới 1.564,92 điểm đã kết thúc. Thị trường bước vào nhịp điều chỉnh hoặc tạo vùng phân phối sau tín hiệu này, nhịp điều chỉnh với thanh khoản thấp hoặc giảm dần sẽ là dấu hiệu tích cực để kỳ vọng thị trường phục hồi và ngược lại nhịp giảm còn tiếp diễn nếu thanh khoản vẫn ở mức cao.



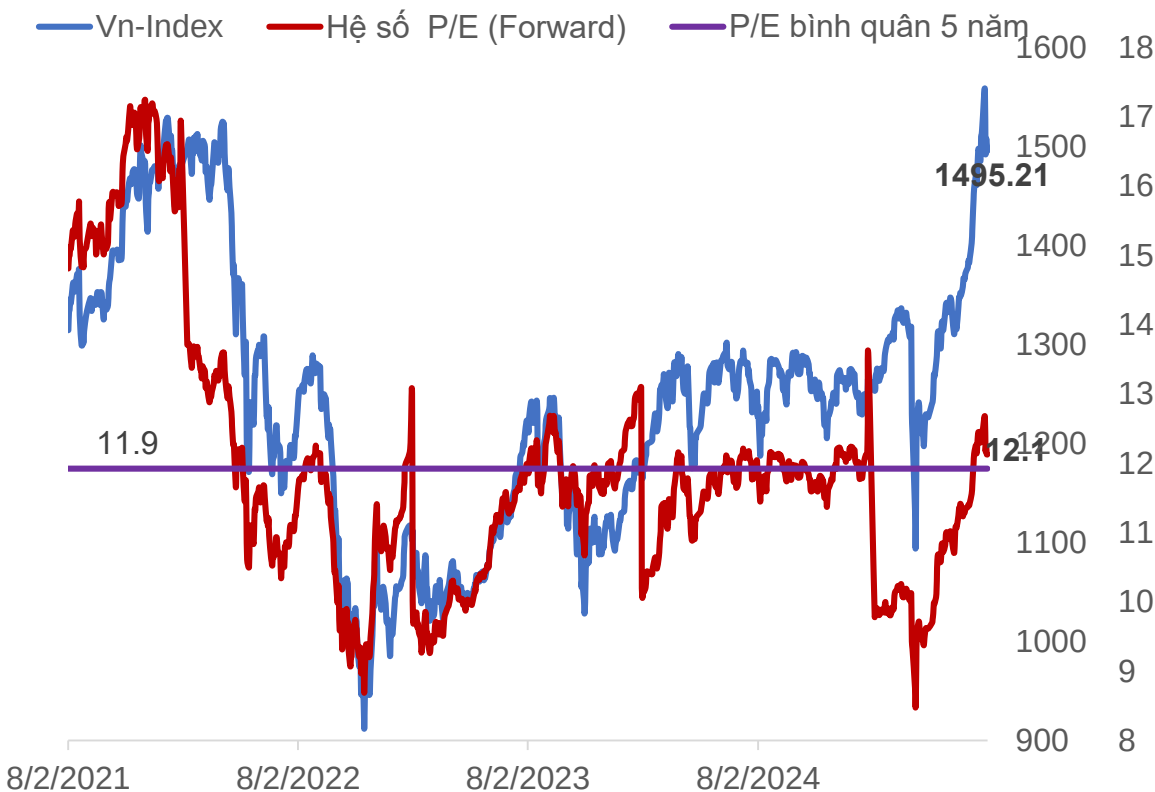
Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, forward, lần)

Hệ số P/E TTM trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

Hệ số P/E forward trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 8 là khá cao với 5 năm liên tiếp gần đây thị trường đều tăng điểm. Tuy vậy, với mức tăng tốt nhất trong vòng 10 năm vừa qua tập trung ở tháng 7, thị trường trong tháng 8 được kỳ vọng sẽ đi ngang và tạo một vùng dao động.

|           | Jan   | Feb   | Mar    | Apr    | May   | Jun   | Jul   | Aug   | Sep    | Oct    | Nov   | Dec   |
|-----------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|
| 10 Yr Avg | 2.47  | 1.98  | -1.51  | .18    | 1.88  | .65   | 1.29  | 1.79  | -.54   | -1.13  | 2.28  | 1.19  |
| 2025      | -.14  | 3.19  | .11    | -6.16  | 8.67  | 3.26  | 9.19  | -.49  |        |        |       |       |
| 2024      | 3.04  | 7.59  | 2.50   | -5.81  | 4.32  | -1.30 | .50   | 2.59  | .32    | -1.82  | -1.11 | 1.31  |
| 2023      | 10.34 | -7.78 | 3.90   | -1.46  | 2.48  | 4.19  | 9.17  | .09   | -5.71  | -10.91 | 6.41  | 3.27  |
| 2022      | -1.29 | .76   | .14    | -8.40  | -5.42 | -7.36 | .73   | 6.15  | -11.59 | -9.20  | 1.99  | -3.94 |
| 2021      | -4.28 | 10.59 | 1.97   | 4.02   | 7.15  | 6.06  | -6.99 | 1.64  | .80    | 7.62   | 2.37  | 1.34  |
| 2020      | -2.54 | -5.81 | -24.90 | 16.09  | 12.40 | -4.55 | -3.24 | 10.43 | 2.67   | 2.24   | 8.39  | 10.05 |
| 2019      | 2.03  | 6.02  | 1.58   | -.11   | -2.02 | -1.04 | 4.39  | -.77  | 1.27   | .23    | -2.81 | -1.01 |
| 2018      | 12.81 | 1.01  | 4.72   | -10.58 | -7.52 | -1.08 | -.46  | 3.47  | 2.79   | -10.06 | 1.29  | -3.67 |
| 2017      | 4.87  | 1.94  | 1.62   | -.63   | 2.80  | 5.24  | .91   | -.10  | 2.77   | 4.08   | 13.45 | 3.61  |
| 2016      | -5.83 | 2.59  | .33    | 6.62   | 3.35  | 2.23  | 3.16  | 3.43  | 1.65   | -1.45  | -1.59 | -.03  |
| 2015      | 5.58  | 2.86  | -6.99  | 2.04   | 1.27  | 4.12  | 4.72  | -9.07 | -.37   | 7.95   | -5.63 | 1.02  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

### Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

### Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

### Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

### Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

### Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

### Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

### Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng